TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-PT
Ngày 31 - 01 - 2018
V/v Kiện vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền thuê khoán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Tùng

2. Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017, về kiện vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền thuê khoán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐ - PT ngày 05/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn S – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quốc T – Chức vụ: Trưởng ban quản lý bảo vệ tài sản Công ty.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2016 và ngày 02/11/2017), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, bà Võ Thị H.

Cùng trú tại: xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn D: Luật sư Lê Xuân Anh P - Chi nhánh Công ty luật TNHHMTV TK, Đoàn luật sư Đắk Lắk, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn D, bà Võ Thị H: Luật sư Phạm Công U- Công ty luật PN, Đoàn luật sư TP.Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Ngô Thị S

Trú tại: xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2. Bà Bùi Thị A.

Trú tại: xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn D, bà Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quốc T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B (gọi tắt Công ty B) đầu tư 100% vốn trong 04 năm đầu (01 năm trồng mới và 03 năm chăm sóc). Từ năm thứ 05 trở đi hộ gia đình tự đầu tư và giao nộp sản lượng hàng năm cho Công ty B theo như đã cam kết theo hợp đồng giao khoán vườn cây mà hai bên đã ký kết.

Ngày 10/3/2012 giữa Công ty B với ông Lê Văn D và bà Võ Thị H ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê với diện tích 0,7ha. Nguồn gốc đất là do cha mẹ ông D sang nhượng. Ban đầu cha mẹ ông D cho 0,5ha sau đó ông D tiếp tục nhận thêm 0,2 ha nữa, tổng diện tích là 0,7ha. Giữa các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và đã ký kết hợp đồng với công ty. Số nợ mà ông Lê Văn D và bà Võ Thị H còn nợ của Công ty B là 2.830 kg cà phê quả tươi. Ngày 01/3/2017 Công ty B có đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 11/11/2016 với số lượng cà phê ông Lê Văn D và bà Võ Thị H còn nợ của Công ty B là 2.483 kg cà phê quả tươi.

Ngày 16/01/2017 Công ty B có đơn khởi kiện bổ sung yêu ông Lê Văn D và bà Võ Thị H phải trả cho Công ty B sản lượng cà phê năm 2016 là 1.685 kg cà phê quả tươi. Như vậy, ông Lê Văn D, bà Võ Thị H còn nợ công ty B số lượng cà phê quả tươi là 4.153kg. Mặc dù, công ty đã yêu cầu ông D, bà H trả nợ nhiều lần nhưng ông D, bà H không trả. Nay Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn D và bà Võ Thị H trả số lượng cà phê quả tươi là 4.153kg để Công ty chúng tôi thu hồi vốn cho nhà nước.

***Bị đơn ông Lê Văn D, bà Võ Thị H trình bày*:**

Đất này do vợ chồng tôi và bố mẹ tôi khai phá từ năm 1995 với diện tích là 1,7ha. Đến năm 1997 công ty vào ép ký hợp đồng trồng cà phê. Vì sợ bị thu hồi đất do không hiểu biết pháp luật nhiều nên bố mẹ tôi ký vào văn bản hợp đồng do phía công ty in sẵn. Trong số 1,7ha đó vào thời điểm đổi tên công ty nên công ty đã thay đổi sổ có sửa đổi nhiều nhưng vẫn phải ký vì sợ bị phá vườn cây như một số hộ trên địa bàn. Trong thời gian chúng tôi canh tác gặp nhiều khó khăn do hạn hán

và sâu bệnh, công ty không có nguồn nước tưới và các dịch vụ khác. Chúng tôi đã nhiều lần phản ánh đòi hỏi giảm sản lượng và các quyền lợi khác của người lao động như pháp luật quy định nhưng phía công ty không hợp tác, né tránh nhiều đơn thư và đối thoại. Vì những lý do đó nên công ty cho rằng gia đình tôi bị tồn đọng nợ. Vì vậy, chúng tôi không chấp nhận đơn khởi kiện của công ty. Chúng tôi yêu cầu Công ty:

Đối chiếu lại công nợ, làm rõ nguồn gốc đất, quyền lợi bảo hiểm xã hội và bảo hộ lao động theo hợp đồng quy định của công ty, số tiền đầu tư của công ty với gia đình chúng tôi và trả lời bằng hóa đơn chứng từ rõ ràng.

Làm lại hợp đồng đúng thực tế với sự thỏa thuận của hai bên.

Người làm chứng:

Bà Ngô Thị S trình bày:

Nguồn gốc đất mà Công ty B khởi kiện buộc ông D, bà H trả số lượng cà phê 4.153kg là do gia đình tôi khai phá từ năm 1995 với diện tích là 1,7ha. Đến năm 1997 công ty vào ép ký hợp đồng trồng cà phê. Vì sợ bị thu hồi đất và do không hiểu biết pháp luật nên gia đình tôi ký vào văn bản hợp đồng do phía công ty in sẵn. Đây không phải là đất của công ty.

Bà Bùi Thị A trình bày: Nguồn gốc đất mà Công ty B khởi kiện buộc ông D, bà H trả số lượng cà phê 4.153kg là do gia đình ông D khai phá, sau đó công ty vào ép ký hợp đồng trồng cà phê. Đây không phải là đất của công ty.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS - ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 501 và Điều 506 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 24 và Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B.

Buộc ông Lê Văn D và bà Võ Thị H phải trả nợ sản lượng 4.153kg cà phê quả tươi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2017 bị đơn ông Lê Văn D và bà Võ Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự và các luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Ông D, bà H đã ký kết hợp đồng giao khoán với diện tích 0,7ha của Công ty B, đã đối chiếu công nợ và xác nhận nợ, tại phiên tòa ông D cũng đã thừa nhận hàng năm đã nộp sản lượng cho công ty đầy đủ và tính đến cuối năm 2015 còn nợ công ty số lượng 2.468 kg cà phê quả tươi và công ty xác nhận nợ của ông D năm 2016 là 1.685 kg. Như vậy, công ty B khởi kiện buộc ông D, bà H phải trả cho công ty 4.153kg cà phê quả tươi là có căn cứ và cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy, kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn D, bà Võ Thị H không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa các luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn có ý kiến như sau:

Luật sư Lê Xuân Anh P cho rằng: Về thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, chứng cứ nguyên đơn cung cấp đều là bản photo. Hợp đồng giao khoán được ký kết giữa Công ty B và ông D, bà H là vô hiệu vì việc ký kết hợp đồng là bị ép buộc không tự nguyện. Ông D không thừa nhận chữ ký của ông D trong một số biên bản đối chiếu công nợ nên nghĩa vụ yêu cầu giám định là nghĩa vụ của công ty chứ không phải là nghĩa vụ của ông D nhưng công ty không yêu cầu giám định chữ ký. Trong nội dung ủy quyền, Công ty ủy quyền cho ông T làm thủ tục khởi kiện chứ không ủy quyền tham gia tố tụng nhưng ông T lại tham gia tố tụng xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Luật sư Phạm Công U đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông D, bà H, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung vì những lý do sau:

Về tố tụng: Ông D phủ nhận chữ ký của ông D trong biên bản đối chiếu công nợ nhưng cấp sơ thẩm không cho trưng cầu giám định chữ ký.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ mâu thuẫn trong lời khai về nguồn gốc đất trong hợp đồng giao khoán và chưa xem xét tính pháp lý của hợp đồng giao khoán mà hai bên đã ký kết mà dựa vào đó để làm cơ sở giải quyết vụ án. Về

phía công ty cho rằng trong 04 năm đầu, mỗi năm công ty đầu tư 49.000.000đ/01ha cho hộ gia đình ông D nhưng trong hồ sơ vụ án nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn trình bày việc ký kết hợp đồng giao khoán là bị ép buộc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề này trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, của Luật sư và ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng giao khoán tài sản là không chính xác mà cần xác định: Kiện vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền thuê khoán tài sản cho đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 10/3/2012 ông Lê Văn D có đơn xin nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê quốc doanh của Công ty B và cùng ngày 10/3/2012 ông Lê Văn D và bà Võ Thị H có ký kết hợp đồng giao khoán số 582/HĐGK với Công ty B để trồng cây công nghiệp lâu năm, với diện tích 0,7ha cà phê trồng năm 1997. Sau khi ký kết hợp đồng hàng năm ông D, bà H đã tiến hành đối chiếu công nợ và nộp sản lượng cà phê quả tươi cho Công ty B theo quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, sau đó ông D, bà H lấy nhiều lý do để không nộp sản lượng cho công ty. Việc ông D và bà H cho rằng nguồn gốc đất 0,7ha là do bố mẹ cho trong tổng số 1,7ha của bố mẹ đã ký hợp đồng giao khoán với Công ty B. Năm 2012 Công ty B lập một hợp đồng đã có sẵn do sợ bị Công ty B phá vườn cây như những hộ khác nên ông, bà mới ký hợp đồng. Ông Lê Văn D và bà Võ Thị H cũng cho rằng hiện nay ông đang canh tác tổng diện tích 1,3ha, trong đó có 0,42 ha thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nguồn gốc đất hiện nay nằm trong diện tích 0,7ha đã ký hợp đồng giao khoán với Công ty B. Hàng năm ông D, bà H vẫn tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ và nộp sản lượng cà phê quả tươi cho công ty B theo diện tích 0,7ha.

Như vậy, căn cứ vào các biên bản đối chiếu công nợ từ năm 2009 đến năm 2016 do ông D, bà H ký nhận nợ (Bút lục 199, 200, 201, 202, 203), phiếu nhập kho (Bút lục 196, 197) thì có thể xác định được việc ông Lê Văn D, bà Võ Thị H nhận giao khoán 0,7 ha đất trồng cà phê từ Xí nghiệp trồng rừng và cây công nghiệp (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B) theo đơn xin nhận khoán vườn cà phê ngày 10/3/2012 của ông Lê Văn D (Bút lục 05) và "Sổ giao khoán vườn cây cà phê" (Bút lục 01 đến 04) và còn nợ công ty B 4.153 kg cà phê quả tươi là có cơ sở.

[2.2] Trong quá trình nhận khoán vườn cà phê 0,7ha của Công ty B thì ông Lê Văn D và bà Võ Thị H có nộp sản lương cà phê quả tươi và có tiến hành đối chiếu công nợ với Công ty B, theo biên bản đối chiếu nợ sau cùng ngày 27/01/2015 thì ông Lê Văn D và bà Võ Thị H còn nợ của Công ty B số lượng 2.498kg cà phê quả tươi. Ngày 25/11/2015 ông Lê Văn D còn nộp sản lượng 1.318,2kg cà phê cho Công ty B và ngày 07/01/2016 ông Lê Văn D tiếp tục nộp sản lượng 466kg cà phê quả tươi cho Công ty B. Việc ký kết hợp đồng giao khoán giữa công ty B và ông D, bà H và ký nhận biên bản đối chiếu công nợ là hoàn toàn tự nguyện. Tính đến hết năm 2016 ông D, bà H còn nợ công ty B là 4.153 kg cà phê quả tươi. Do đó,Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[3] Từ các phân tích, nhận định trên HĐXX phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót như: Xác định quan hệ tranh chấp không đúng, nhưng thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn D và bà Võ Thị H mà giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar.

Ý kiến của các Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Văn D và bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 501, Điều 506 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 24 và Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn D và bà Võ Thị H
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B.

Buộc ông Lê Văn D và bà Võ Thị H phải trả nợ sản lượng 4.153kg cà phê quả tươi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B.

[3] Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn D và bà Võ Thị H phải chịu 1.453.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B được nhận lại số tiền 566.000đ đã nộp theo biên lại số AA/2014/0042362 ngày 14 tháng 11 năm 2016 và 337.000đ theo biên lai số AA/2014/0040050 ngày 03 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (do ông Dương Văn S và ông Phan Quốc T nộp thay).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn D và bà Võ Thị H phải chịu 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm (mỗi người 300.000đ), được khấu trừ số tiền 600.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001756 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- TAND huyện Cư M'gar
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- ….;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng